

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 4 - 2022

“V/v tranh chấp Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Giữ

Ông Nguyễn Phú Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cù Thị Tuyết E, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ 02, ấp VL, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ 02, ấp VL, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Cù Thị Tuyết E trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Tr do quen biết, tự tìm hiểu nhau sau đó kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2005 tại UBND thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu ông bà hạnh phúc, khoảng vài năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Ông Tr có hành vi đánh đập, gây thương tích cho bà nhiều

lần, bà không thể tiếp tục chung sống cùng ông Tr. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn ông Lê Văn Tr.

Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 con chung Lê Thị Cẩm Q, sinh ngày 25/4/2003 và Lê Thị Uyển Ng, sinh ngày 02/7/2008. Hiện cháu Q đã trưởng thành, có khả năng lao động. Riêng cháu Ng đang sống cùng bà nội, khi ly hôn bà đồng ý giao cháu Ng cho bên nội tiếp tục nuôi dưỡng và bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi nào bà có điều kiện kinh tế hơn thì bà sẽ đón cháu về sống cùng bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Lê Văn Tr đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết E, cho bà Tuyết E ly hôn với ông Tr. Ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm Q, sinh ngày 25/4/2003 và Lê Thị Uyển Ng, sinh ngày 02/7/2008. Cháu Q đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Riêng cháu Ng, giao cháu Ng cho ông Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, bà Tuyết E không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà Tuyết E khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tr, địa chỉ cư trú của ông Tr thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà Cù Thị Tuyết E và ông Lê Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà Tuyết E có đơn xin vắng mặt, ông Tr thì vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên toà lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tuyết E, ông Tr theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà Tuyết E và ông Tr tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tuyết E yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tr để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay ông Tr vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định ông Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp VL, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa ông bà thì địa phương không rõ.

[2.4] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, không còn sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau và không còn chung sống cùng nhau. Nay bà Tuyết E yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và bà từ chối việc Tòa án tiếp tục hòa giải cũng như xin vắng mặt khi xét xử cho thấy sự cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn, phía ông Tr thì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn lại với nhau nhưng ông Tr vắng mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án, điều này chứng tỏ ông Tr không có thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà Tuyết E. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà Tuyết E với ông Tr là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà có 02 con chung Lê Thị Cẩm Q, sinh ngày 25/4/2003 và Lê Thị Uyển Ng, sinh ngày 02/7/2008, hiện cháu Q đã trưởng thành và có khả năng lao động, riêng cháu Ng đang sống cùng ông Tr. Khi ly hôn, bà Tuyết E đồng ý giao con chung cho ông Tr được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông Tr không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung cũng như không đến Tòa án tham gia hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông Tr về việc nuôi con. Xét thấy, hiện cháu Ng đang sống cùng ông Tr và bà Tuyết E cũng đồng ý giao cháu Ng cho ông Tr nuôi dưỡng, để đảm bảo việc ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng muốn được tiếp tục sống cùng bà nội nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Ng cho ông Tr được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Tuyết E không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Tr không có yêu cầu.

[2.6] Ông Tr và các thành viên gia đình không được cản trở bà Tuyết E trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền,

Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Tuyết E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Tr không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cù Thị Tuyết E.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Cù Thị Tuyết E ly hôn với ông Lê Văn Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/2005 cấp ngày 28 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Cù Thị Tuyết E và ông Lê Văn Tr không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Lê Thị Cẩm Q, sinh ngày 25/4/2003 và Lê Thị Uyên Ng, sinh ngày 02/7/2008. Hiện cháu Q đã trưởng thành và có khả năng lao động, cháu Ng đang sống cùng ông Tr. Giao con chung là cháu Ng cho ông Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, bà Tuyết E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Tr và các thành viên gia đình không được cản trở bà Tuyết E trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Cù Thị Tuyết E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003443 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Lê Văn Tr không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà Cù Thị Tuyết E và ông Lê Văn Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đường sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hương